TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỘI AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-6- 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Hồng Vân.
2. Ông Nguyễn Tấn Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Trương Thị Thu Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa***: ông Trương Vũ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TL.ST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09.5.2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30.5.2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông H**,** sinh năm: 1983.
Địa chỉ: phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng *(Có mặt).*

Bị đơn: Bà T, sinh năm 1988.
Địa chỉ: đường H, phường A, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17.10.2018 (nộp tại Tòa ngày 16 tháng 01 năm 2019), được trình bày bổ sung vào ngày 16.01.2019; bản trình bày ngày 04 tháng 4 năm 2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông H trình bày:

Ông và bà T quen biết, tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường D, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ tháng 12/2016, nguyên nhân là do cả hai không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế. Bà T đã về sống tại nhà cha mẹ ruột ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam từ cuối năm 2018 đến nay. Ông đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà T vì cả hai không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là P, sinh ngày 07/3/2013. Hiện con đang ở cùng ông tại thành phố Đà Nẵng, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: giữa ông và bà T không có tài sản chung.

Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn bà T chấp hành pháp luật không nghiêm, bà T đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T. Về nội dung vụ án, nhận thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của ông H. Về con chung giao cháu P, sinh ngày 07/3/2013 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bà T có nơi cư trú tại phường Tân An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tham gia phiên tòa cho bà T nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông H và bà T kết hôn vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận C, thành phố Đà Nẵng nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Quá trình chung sống đến cuối năm 2016 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mâu thuẫn về kinh tế. Hiện tại vợ chồng đã không còn chung sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cố tình trốn tránh không tham gia các phiên hòa giải. Từ cuối năm 2018, bà T và ông H không còn sống chung, bà T đã về nhà cha mẹ ruột tại thành phố Hội An sống hơn một năm nay. Như vậy cuộc sống chung của ông H, bà T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: ông H và bà T có 01 con chung tên là P, sinh ngày 07/3/2013, hiện cháu đang ở với ông H và đi học tại thành phố Đà Nẵng. Ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy hiện tại cháu P đang ở cùng ông H và đang đi học ổn định tại Đà Nẵng nên cần giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy với mức thu nhập hiện tại của ông H đảm bảo để nuôi con, bản thân ông H cũng không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không nhất thiết buộc bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: nguyên đơn khai không có tài sản chung và bị đơn không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 3 Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ông H được ly hôn bà T.

2. Về con chung: có 01 con chung tên P, sinh ngày 07/3/2013. Giao cháu P cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3.Về án phí: Ông H phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đồng theo biên lai số 0009632 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Ông H đã nộp đủ án phí.

Ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/6/2019). Bà T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Tp. Hội An;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp. Hội An;
-UBND phường D,
quận C, Tp. Đà Nẵng.
- L- u hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Nhạn